

Số: /BC-KSBT

Quảng Trị, ngày tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống bệnh Ký sinh trùng tháng 01 năm 2024

I. Tình hình bệnh ký sinh trùng

1. Bệnh giun đường ruột.

Các đối tượng		Tổng số ca nhiễm	Giun đũa	Giun tóc	Giun móc	Giun kim	Nhiễm chung
1.1.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	02	0	0	0	0
1.1.3	Trẻ từ 60 tháng đến dưới 11 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.1.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0	0
1.1.7	Khác	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	02	0	0	0	0

2. Bệnh giun, sán

Đối tượng		Sán lá gan nhỏ	Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán lá ruột	Sán dây	Ấu trùng sán lợn
1.2.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
1.2.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0
Đối tượng		Giun đũa chó mèo		Giun lợn	Giun xoắn	Giun đầu gai	KST khác
1.2.3	Người ≤ 15 tuổi	0		0	0	0	0
1.2.4	Người > 15 tuổi	0		0	0	0	0
Tổng số		0		0	0	0	0

II. Các biện pháp phòng chống

1. Hoạt động tẩy giun.

Các đối tượng tẩy giun tại cộng đồng		Tổng số huyện báo cáo	Tổng số đối tượng đích	Tổng số đối tượng uống thuốc	Tỉ lệ % uống thuốc	Số có tác dụng không mong muốn nặng và (%)
2.1.1	Trẻ từ 12 đến dưới 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
2.1.2	Trẻ từ 24 đến dưới 60 tháng tuổi	0	0	0	0	0
2.1.3	Trẻ từ 6 tuổi đến dưới 11 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.4	Trẻ từ 11 đến dưới 15 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.5	Phụ nữ tuổi sinh sản 15-45 tuổi	0	0	0	0	0
2.1.6	Đối tượng khác (nam >15 tuổi, nữ > 45 tuổi)	0	0	0	0	0
2.1.7	Khác	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0

2. Hoạt động điều trị bệnh sán lá gan nhỏ tại cộng đồng

Đối tượng		Ngày tháng	Số đối tượng	Số uống thuốc	Tỉ lệ %	Số tác dụng phụ	Tỉ lệ %
2.2.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2.2.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

3. Điều trị các bệnh ký sinh trùng khác.

Đối tượng		Sán lá gan lớn	Sán lá phổi	Sán dây/ ATSL	Giun đũa chó mèo	Giun lươn	Giun xoắn
2.3.1	Người ≤ 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
2.3.2	Người > 15 tuổi	0	0	0	0	0	0
Tổng số		0	0	0	0	0	0

4. Hoạt động giáo dục truyền thông

Các hình thức truyền thông		Số lượng /số lần	Số người tham dự	Nội dung
3.1	Phân phát tranh treo tường	0	0	
3.2	Phân phát tờ rơi	0	0	
3.3	Phân phát truyện tranh	0	0	
3.4	Băng rôn	0	0	
3.5	Phát thanh trên loa đài địa phương	0	0	
3.6	Nói chuyện chuyên đề	0	0	
3.7	Thảo luận nhóm	0	0	
3.8	Tập huấn cho y tế tuyến xã	0	0	
3.9	Chiếu video	0	0	

III. Báo cáo sử dụng thuốc

TT	Các loại thuốc sử dụng	Tồn kỳ trước	Số Lĩnh	Đã sử dụng	Hiện còn	Hạn sử dụng	Nhu cầu kỳ sau
4.1	<i>Albendazole 400mg</i>	0	0	0	0	0	0
4.2	<i>Mebendazole 500mg</i>	0	0	0	0	0	0
4.3	<i>Praziquantel 600mg</i>	0	0	0	0	0	0
4.4	<i>Egaten 500mg</i>	0	0	0	0	0	0
4.5	Thuốc khác: <i>Vermox 500mg</i>	3.050	37.600	38.775	1.875	4/2026	37.600

IV. Thông tin về môi trường, nhà tiêu, nước sạch tháng 01 năm 2024

- Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: 139.871/162.198 hộ, đạt 86% nhà tiêu HVS.
- Số hộ có sử dụng nước hợp vệ sinh: 125.161/162.198 hộ; đạt 77%

V. Đánh giá và đề nghị

- Hiện tại công tác báo cáo gặp rất nhiều khó khăn, các huyện gửi rất muộn nên báo cáo không đúng thời gian quy định cho tuyến trên.

Nơi nhận:

- Viện SR-KST-CT Trung ương;
- Sở Y tế (báo cáo);
- Lưu: VT, Khoa KST-CT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Nghiêm